TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ÂN THI
TỈNH HƯNG YÊN
Án số: 11/2023/DS-ST
Ngày 05 tháng 6 năm 2023
" V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI
- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Lương Thị Thủy**
Các hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Quang Chử**
Bà **Dương Thị Thu Hồng**
- *Thư ký phiên toà:* ông **Nguyễn Tuấn Anh** - Thư ký Tòa án
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi tham gia phiên toà:*
Ông **Đỗ Văn Tú** - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 6 năm 2023 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/2023/TLST-DS ngày 04/4/2023 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXX - DS ngày 15/5/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn N, sinh năm 1972 *(có mặt)*
Nơi cư trú: Ấp T, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang
- *Bị đơn:* Bà Hoàng Thị Tuyết N1, sinh năm 1975 *(có mặt)*
Nơi cư trú: Thôn Â, xã H, huyện Â, Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn là ông Trần Văn N trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm thể hiện:

Do có quan hệ họ hàng nên ông có cho bà Hoàng Thị Tuyết N1 vay số tiền 270.000.000đ với lãi xuất 1%/tháng và 74 chỉ (7,4 cây) vàng 9999 với lãi xuất 1 chỉ/cây/năm, thời hạn vay là 01 năm. Việc vay mượn tiền, vàng hai bên có lập thành văn bản, bà N1 có ký xác nhận nợ, ông đã giao cho bà N1 đủ số tiền, vàng như đã thỏa thuận. Nguồn gốc số tiền vàng ông cho bà N1 vay là của ông. Tuy nhiên khi đến hạn trả nợ, bà N1 đã không trả nợ gốc cũng như bất kỳ khoản lãi nào cho ông. Ông có yêu cầu bà N1 trả nợ nhiều lần nhưng bà N1 khất lần không trả. Do vậy ông đã khởi kiện đến toà yêu cầu bà N1 thanh toán trả tiền, vàng cho ông cả gốc và lãi. Bà N1 trả nợ cho ông bằng vàng hay tiền ông cũng đồng ý, nếu thanh toán bằng tiền thì số vàng tính ra tại thời điểm trả theo giá thị trường. Nếu bà N1 thiện chí trả ngay thì có thể thoả thuận bàn bạc cụ thể về số lãi, ông cũng thiện chí giảm tiền lãi cho bà N1. Nếu

bà N1 trả dần thì ông không đồng ý và ông yêu cầu trả đủ cả gốc và lãi như đã thoả thuận.

Lời khai của bị đơn là bà Hoàng Thị Tuyết N1 *trong qúa trình giải quyết vụ án thể hiện:* Bà thừa nhận năm 2017 do thiếu vốn làm ăn nên bà có vay ông N số tiền 270.000.000đ với lãi xuất 1%/tháng và 7,4 cây vàng 9999 với lãi xuất 01 chỉ/cây/năm, thời hạn vay là 01 năm. Khi cho vay, ông N có lập văn bản và bà có ký xác nhận việc vay nhận nợ. Bà xác nhận chữ ký bên vay trong Giấy vay tiền ngày 20/7/2017 là của bà. Sau khi làm xong giấy tờ, ông N đã giao cho bà đủ số tiền, vàng như thỏa thuận. Do việc kinh doanh buôn bán không thuận lợi bà bị vỡ nợ nên bà chưa trả được khoản tiền, vàng nào cho ông N, hiện bà không có khả năng trả nợ, khi nào có điều kiện bà sẽ thanh toán cho ông N và bà đề nghị được trả dần. Bà vay tiền sẽ trả bằng tiền và vay vàng sẽ trả bằng vàng.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc 270.000.000đ và tiền lãi theo thỏa thuận cùng 7,4 cây vàng 9999, còn tiền lãi vay vàng hai bên tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa giải quyết.

Phía bị đơn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không yêu cầu toà án giải quyết khoản lãi vay vàng. Bà N1 trình bày hoàn cảnh kinh tế khó khăn và đề nghị được xem xét giảm án phí.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên phát biểu quan điểm:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán

Thẩm phán đã cơ bản chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 BLTTDS trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

* Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi:

- Căn cứ vào giấy vay tiền, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lời khai nhận nợ của bị đơn và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nhận thấy:

Có việc ngày 20/7/2017, bà N1 vay của ông N số tiền 270.000.000 đồng, lãi xuất 1%/tháng và 74 chỉ vàng 9999 (07 cây và 04 chỉ vàng), lãi xuất 01 chỉ vàng/01 cây/năm, thời hạn vay 01 năm, nhưng chưa trả gốc và lãi là có thật. ông N đã nhiều lần đòi bà N1, nhưng bà N1 không trả nên ông N có quyền làm đơn khởi kiện ra Toà án nhân dân huyện và yêu cầu bà N1 phải trả ông toàn bộ số nợ gốc và lãi suất đã thoả thuận nêu trên.

Mức lãi suất tiền vay các bên thỏa thuận là 1%/tháng là phù hợp với Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nên yêu cầu của ông N buộc bà N1 phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ hợp đồng trả ông số tiền gốc là 270.000.000 đồng và lãi xuất tiền vay 1%/tháng là có căn cứ chấp nhận.

Việc vay vàng giữa các cá nhân không thuộc trường hợp cấm, nên việc vay vàng có hiệu lực, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Do bên vay vi phạm nghĩa vụ

trả nợ, nên ông N có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N1 phải có nghĩa vụ trả số vàng đã vay trên, do vậy ông N yêu cầu bà N1 phải trả 7,4 cây vàng 9999 là có căn cứ.

Đối với lãi suất của khoản vay bằng vàng, các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không xem xét.

- Về căn cứ pháp luật: Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 274, khoản 1 Điều 275, 280, 385, 401, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự, Nghị quyết số 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Nghị định số 24/2012/NĐ-CP; Điều 24 Nghị định số 88/2019/NĐ-CP.

- Đề nghị:

+ Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn N, buộc bà Hoàng Thị Tuyết N1 phải trả ông N 74 chỉ vàng 9999 (07 cây và 04 chỉ vàng); số tiền gốc 270.000.000 đồng và tiền lãi theo thoả thuận kể từ ngày 20/7/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận.

+ Bà N1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Tuy nhiên, bà N1 có đơn xin giảm án phí do hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, do vậy để nghị Toà giảm 50% án phí cho bà N1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi đã nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền, vàng) theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thôn Â, Hồng Q, Â, Hưng Yên nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, việc thụ lý, giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 20/7/2017, bà N1 và ông N có ký hợp đồng vay tiền, vàng theo đó ông N cho bà N1 vay số tiền là 270.000.000 với lãi xuất 1%/tháng và 7,4 cây vàng 9999 với lãi xuất 1 chỉ/cây/năm, thời hạn vay là 01 năm. Việc ký kết hợp đồng vay tiền, vàng giữa ông N và bà N1 được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, mục đích và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, đảm bảo các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật dân sự năm 2015, do vậy làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên.

Ngày 20/7/2018 đến thời hạn trả nợ, bà N1 không thực hiện nghĩa vụ trả ông N số tiền, vàng + lãi như đã thỏa thuận. Do vậy ông N yêu cầu bà N1 phải thanh toán khoản tiền vàng đã vay bao gồm nợ gốc và lãi theo thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật là có căn cứ nên được chấp nhận. Tuy nhiên tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu Tòa xem xét, giải quyết đối với lãi của khoản vay vàng, xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự nên cần chấp nhận.

Bà N1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông N khoản tiền, vàng tính đến ngày xét xử sơ thẩm bao gồm:

- Khoản tiền vay: Nợ gốc: 270.000.000đ

Lãi theo thỏa thuận là 1%/tháng, thời hạn từ ngày 20/7/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là 70 tháng 16 ngày: 270.000.000đ x 1%/tháng x (70 tháng 16 ngày) = 190.440.000 đồng

Tổng số tiền gốc và lãi của khoản tiền vay là: 270.000.000đ + 190.440.000đ = 460.440.000 đồng

- Khoản vay vàng: 7,4 cây vàng 9999

Quan điểm của ông N đối với số vàng bà N1 vay bà N1 trả bằng vàng hay quy ra tiền đều được, còn quan điểm của bà N1 bà vay vàng sẽ trả bằng vàng phù hợp với khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự. Do vậy bà N1 có trách nhiệm trả cho ông N số vàng đã vay 7,4 cây vàng 9999.

3] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên hoàn trả nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp; Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Bị đơn có đơn xin giảm án phí do hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, do vậy sẽ giảm 50% án phí cho bị đơn.

Theo biên bản xác minh giá vàng của cửa hàng vàng tại địa phương giá vàng trung bình bán ra ngày 05/6/2023 là 5.600.000đ/chỉ vàng 9999. Bà N1 sẽ phải chịu án phí có giá ngạch của số tiền vàng có nghĩa vụ phải trả:

460.440.000đ + (5.600.000đ/chỉ x74 chỉ) = 874.840.000đồng

36.000.000đ + (74.840.000 x 3%) = 38.245.200đ x 50% = 19.122.600đồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 117, 385, 401, 463, 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn N: Buộc bà Hoàng Thị Tuyết N1 phải trả cho ông N số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 460.440.000đồng (trong đó tiền gốc là 270.000.000đ, tiền lãi 190.440.000đ) và 7,4 cây vàng 9999.

Chấp nhận sự tự nguyện của ông N về việc không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết đối với khoản lãi vay vàng.

Kể từ ngày 06/6/2023, bà N1 tiếp tục có nghĩa vụ trả cho ông N khoản tiền lãi theo thỏa thuận cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Về án phí: Bà N1 phải chịu 19.122.600đ tiền án phí sơ thẩm dân sự.

Hoàn trả ông Trần Văn N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.000.000đ tại biên lai số 0003124 ngày 03/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Ân Thi;*
- *Chi cục THADS huyện Ân Thi;*
- *Lưu hồ sơ;*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Thủy